

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề kiểm tra có 04 trang)

Bài kiểm tra: KHOA HỌC XÃ HỘI

Môn kiểm tra thành phần: ĐỊA LÍ

Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Mã đề kiểm tra 301

Số báo danh:

Câu 41: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết tỉnh Hà Tĩnh có cảng biển nào sau đây?

- A. Cảng Nhật Lệ. B. Cảng Cửa Lò. C. Cảng Vũng Áng. D. Cảng Cửa Gianh.

Câu 42: Dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay

- A. do Nhà nước nắm giữ. B. phát triển đa dạng. C. chỉ có ở ven biển. D. có tỉ trọng rất thấp.

Câu 43: Một trong những nguồn năng lượng có giá trị ở nước ta là

- A. quặng sắt. B. mangan. C. quặng đồng. D. dầu khí.

Câu 44: Công nghiệp nước ta hiện nay

- A. có cơ cấu không đổi. B. phát triển đa ngành. C. tập trung xuất khẩu. D. trình độ rất hiện đại.

Câu 45: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết hồ Trị An thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Dương. B. Bình Phước. C. Đồng Nai. D. Tây Ninh.

Câu 46: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây từ nước ta chảy ra nước ngoài?

- A. Sông Dinh. B. Sông Trà Khúc. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Đak Krông.

Câu 47: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Cần Thơ?

- A. Bến Ninh Kiều. B. Tràm Chim. C. U Minh Hạ. D. Cần Giò.

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên (C - Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ), cho biết mũi Đại Lãnh nằm ở phía nam mũi nào sau đây?

- A. Mũi Né. B. Mũi Kê gà. C. Mũi Ba Làng An. D. Mũi Dinh.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào nuôi nhiều trâu trong các tỉnh sau đây?

- A. Thái Bình. B. Nam Định. C. Ninh Bình. D. Yên Bái.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết cảng nào sau đây là cảng biển?

- A. Cảng Kiên Lương. B. Cảng Mỹ Tho. C. Cảng Trà Vinh. D. Cảng Cần Thơ.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây giáp Lào?

- A. Đắk Nông. B. Điện Biên. C. Lai Châu. D. Bình Phước.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết thành phố Vinh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh. B. Nghệ An. C. Quảng Trị. D. Quảng Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết ngành chế biến lương thực có ở trung tâm công nghiệp nào sau đây?

- A. Vũng Tàu. B. Biên Hoà. C. Sóc Trăng. D. Bến Tre.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có trung tâm kinh tế nào sau đây?

- A. Phúc Yên. B. Hạ Long. C. Bắc Ninh. D. Hải Dương.

Câu 55: Tài nguyên nước ngọt ở nước ta bị ô nhiễm nhiều nơi do

- A. khai thác nước ngầm. B. hạn hán. C. xả chất thải bừa bãi. D. xâm nhập mặn.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết sân bay Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Nam. B. Khánh Hoà. C. Bình Định. D. Bình Thuận.

Câu 57: Hậu quả của lũ lụt ở đồng bằng nước ta là

- A. ngập úng. B. hạ thấp mặt đất. C. gió mạnh. D. sạt lở sông.

Câu 58: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ?

- A. Nha Trang. B. Thanh Hoá. C. Đồng Hới. D. Đà Lạt.

Câu 59: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp nào sau đây có ở trung tâm Thanh Hoá?

- A. Luyện kim đen. B. Đóng tàu. C. Chế biến nông sản. D. Dệt, may.

Câu 60: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích trồng cây công nghiệp lâu năm lớn nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Kon Tum. B. Phú Yên. C. Gia Lai. D. Quảng Ngãi.

Câu 61: Cơ cấu kinh tế Đồng bằng sông Hồng hiện nay có sự chuyển dịch quan trọng chủ yếu do tác động của

- A. phát triển cơ sở vật chất kĩ thuật, khai thác thế mạnh, nâng dân trí.
 B. mở rộng hợp tác quốc tế, đào tạo nhân lực, phát huy các thế mạnh.
 C. phát triển cơ sở hạ tầng, tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh đô thị hoá.
 D. thu hút đầu tư, hội nhập toàn cầu sâu rộng, nâng trình độ lao động.

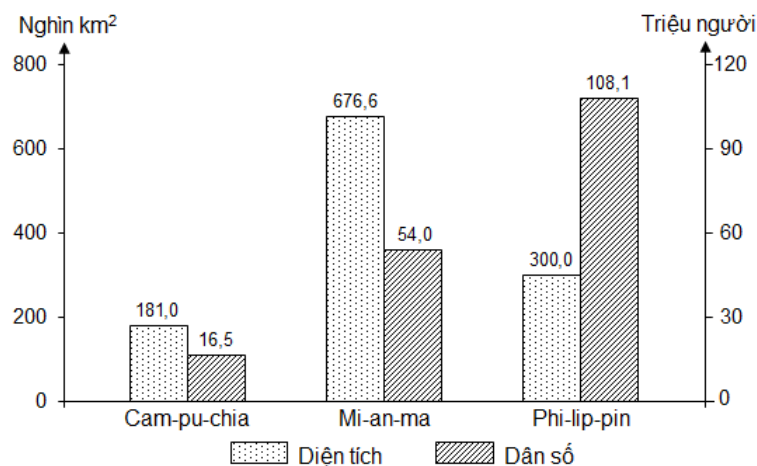
Câu 62: Thế mạnh chủ yếu để phát triển công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. lao động đông, chất lượng, gần nơi nguyên liệu.
 B. vị trí thuận lợi, bằng phẳng, nước mặt nhiều.
 C. có các khoáng sản, lịch sử khai thác lâu đời.
 D. cơ sở hạ tầng phát triển, nhiều đô thị, dân đông.

Câu 63: Nghề cá ở nước ta hiện nay

- A. có năng suất lao động đánh bắt rất cao. B. khuyến khích đánh bắt ở vùng ven bờ.
 C. có các cảng cá hiện đại và hoàn thiện. D. gắn với giữ vững chủ quyền biển đảo.

Câu 64: Cho biểu đồ:



DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ NĂM 2019 CỦA MỘT SỐ NƯỚC
 (Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

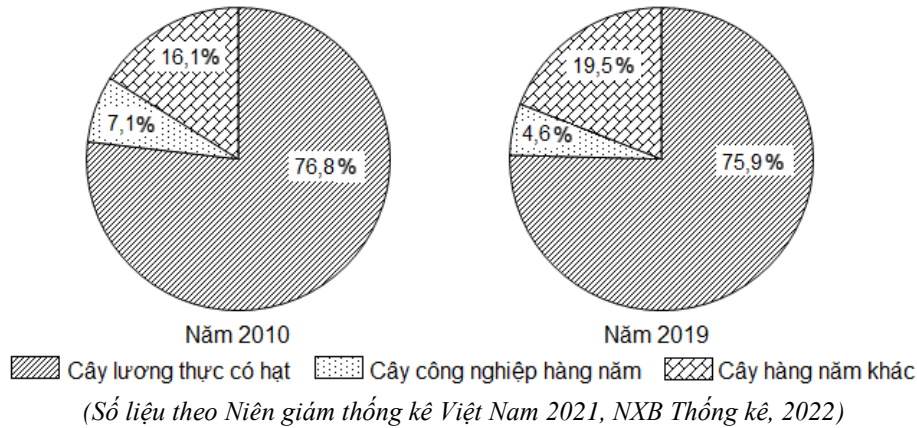
Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số năm 2019 của một số nước?

- A. Phi-lip-pin gấp đôi Mi-an-ma. B. Cam-pu-chia nhỏ hơn Mi-an-ma.
 C. Phi-lip-pin lớn hơn Cam-pu-chia. D. Mi-an-ma lớn hơn Phi-lip-pin.

Câu 65: Đô thị ở nước ta hiện nay

- A. có tỉ lệ dân cư ngày càng tăng. B. hình thành các dải siêu đô thị.
 C. không còn người thất nghiệp. D. có môi trường luôn sạch đẹp.

Câu 66: Cho biểu đồ về diện tích các loại cây hàng năm của nước ta năm 2010 và năm 2019:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự tăng trưởng và thay đổi quy mô diện tích. B. Quy mô và tốc độ tăng cơ cấu diện tích.
C. Chuyển dịch và tốc độ tăng cơ cấu diện tích. D. Cơ cấu và sự thay đổi cơ cấu diện tích.

Câu 67: Cho bảng số liệu:

TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG
CỦA MỘT SỐ VÙNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2019

(Đơn vị: Nghìn tỉ đồng)

Năm	2015	2017	2018	2019
Đồng bằng sông Hồng	724,0	876,4	966,4	1 082,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	161,4	200,0	223,9	251,8
Đông Nam Bộ	1 070,9	1 313,4	1 456,8	1 603,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của một số vùng nước ta giai đoạn 2015 - 2019, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường. B. Tròn. C. Cột. D. Miền.

Câu 68: Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MI-AN-MA VÀ THÁI LAN NĂM 2010 VÀ NĂM 2019

(Đơn vị: Đô la Mỹ)

Năm	Mi-an-ma	Thái Lan
2010	979	5 076
2019	1 408	7 807

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh sự thay đổi GDP bình quân đầu người năm 2019 so với năm 2010 của Mi-an-ma và Thái Lan?

- A. Thái Lan tăng gấp hai lần Mi-an-ma. B. Thái Lan tăng nhiều hơn Mi-an-ma.
C. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Thái Lan. D. Mi-an-ma tăng nhanh hơn Thái Lan.

Câu 69: Đồng bằng sông Hồng hiện nay phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản chủ yếu do

- A. thúc đẩy sản xuất hàng hoá, đáp ứng thị trường.
B. đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế, đa dạng sản xuất.
C. thay đổi cơ cấu kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm.
D. nhu cầu tăng cao, phát huy thế mạnh tự nhiên.

Câu 70: Sự phân công lao động theo lãnh thổ của Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay có nhiều đổi mới chủ yếu do tác động của

- A. hội nhập thế giới rộng, thúc đẩy nhập khẩu. B. tăng trưởng kinh tế, phát triển giao thông.
C. phát huy các thế mạnh, thúc đẩy xuất khẩu. D. xây cảng nước sâu, phát triển khu kinh tế.

Câu 71: Việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

- A. nâng cao giá trị, phát triển mạnh hàng hoá. B. phát triển chuyên môn hoá, tăng sản lượng.
C. đảm bảo hàng xuất khẩu, tạo nhiều việc làm. D. tăng cường chất lượng, góp phần bảo quản.

Câu 72: Ngành trồng lúa của nước ta hiện nay

- A. hầu hết chỉ tập trung cho xuất khẩu.
- B. có diện tích ngày càng tăng nhanh.
- C. đã tự động hoá hoàn toàn các khâu.
- D. đóng vai trò lớn nhất về lương thực.

Câu 73: Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. áp dụng tiên bộ kỹ thuật, phát triển trang trại, chăn nuôi hàng hoá.
- B. chế biến thức ăn phù hợp, cải tạo đồng cỏ, sử dụng các giống tốt.
- C. chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.
- D. đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng dịch bệnh.

Câu 74: Nước ta hiện nay có thị trường nhập khẩu mở rộng do

- A. hội nhập thế giới rộng, nhiều dịch vụ đổi mới.
- B. thúc đẩy công nghiệp hoá, quan hệ nhiều nước.
- C. toàn cầu hoá, quan hệ với các nước phát triển.
- D. chính trị ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch.

Câu 75: Vùng nội thuỷ của biển nước ta

- A. có độ sâu khoảng 200 m.
- B. có chiều rộng là 12 hải lí.
- C. ở phía trong đường cơ sở.
- D. chỉ có ý nghĩa về kinh tế.

Câu 76: Du lịch biển nước ta hiện nay

- A. hoạt động liên tục suốt năm ở phía Bắc.
- B. chỉ đầu tư loại hình thể thao dưới nước.
- C. chỉ tổ chức hoạt động ở các đảo ven bờ.
- D. có nhiều điểm và trung tâm hoạt động.

Câu 77: Xu hướng tích cực của chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở khu vực I nước ta hiện nay là

- A. tăng cây ăn quả, giảm thủy sản.
- B. giảm nông nghiệp, tăng thủy sản.
- C. tăng trồng trọt, giảm chăn nuôi.
- D. tăng chăn nuôi, giảm thủy sản.

Câu 78: Nhiệt độ nước ta có sự phân hoá theo hướng bắc - nam chủ yếu do tác động của

- A. vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam và gió mùa Tây Nam, địa hình.
- B. vị trí địa lí, Tín phong bán cầu Bắc, bão và gió mùa Đông Bắc.
- C. vĩ độ địa lí, địa hình, vị trí địa lí, bão, Tín phong bán cầu Bắc.
- D. vĩ độ địa lí, gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc, hướng địa hình.

Câu 79: Dân số nước ta

- A. phân bố đồng đều khắp cả nước.
- B. gia tăng rất chậm, cơ cấu rất trẻ.
- C. đông, nhiều thành phần dân tộc.
- D. sống tập trung chủ yếu ở đô thị.

Câu 80: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn tập trung cho kinh doanh.
- B. sử dụng rất nhiều lao động thủ công.
- C. có mạng lưới chỉ tập trung ở đô thị.
- D. có tốc độ phát triển nhanh vượt bậc.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.